TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS - PT
Ngày: 23/01/2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Anh Trịnh Minh Tự
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành
Anh Trần Văn Lực
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Chị Phạm Thị Ửng, Kiểm sát viên tham gia phiên toà

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2017/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2017/QĐXXPT ngày 26 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Phan Thị M, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: âp X, xã An TA, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T –Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2/ Bị đơn:

- Chị Võ Thị Bé N, sinh năm 1968; (có mặt)
- Ông Phan Thanh H, sinh năm 1959;

Chị Võ Thị Bé N là người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Thanh H (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Lo C, xã An TA, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Nguyễn Hiếu T, sinh năm 1963; (có mặt)

Địa chỉ: khóm N, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Trà Vinh

4/ Người kháng cáo: ông Phan Thanh H

Chị Võ Thị Bé N là người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Thanh H (có mặt)

Địa chỉ: ấp Lo C, xã An TA, huyện CL, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị M trình bày: Vào ngày 15/8/2015 al, chị có cho chị Võ Thị Bé N vay số tiền 140.000.000 đồng. Việc vay tiền chỉ có một mình chị Bé N, không có chồng chị Bé N cùng vay. Thời hạn vay tiền là 01 tháng sau sẽ trả vốn gốc và lãi. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 1.000.000 đồng thì 01 tháng đóng lãi 50.000 đồng tức là 5%/tháng. Mục đích vay tiền chị N nói là vay tiền để trả cho những người khác. Đến thời hạn trả nợ, chị N khanh Trả lại nợ gốc và tiền lãi cho chị. Đến ngày 02/11/2015 al, chị cùng với chị N và anh T gặp nhau tại nhà chị N để bàn bạc sang nhượng diện tích đất 3.900 m^2 của chị N với số tiền 390.000.000 đồng và anh T đồng ý mua diện tích đất này. Chị N hứa bán đất cho anh T sau khi làm giấy tờ chuyển nhượng xong thì anh T có nghĩa vụ trả cho chị số tiền là 140.000.000 đồng (việc trao đổi này chỉ nói miệng không có làm văn bản giấy tờ gì cũng không có ai chứng kiến). Nhưng khi anh T đã bán được đất của chị N nhưng khanh Trả cho chị số tiền 140.000.000 đồng.

Nay, chị yêu cầu chị Võ Thị Bé N, anh Phan Thanh H và anh Nguyễn Hiếu T phải trả số tiền 140.000.000 đồng và trả tiền lãi, mức lãi suất tính theo Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nanh Thôn chi nhánh huyện CL kể từ ngày 15/8/2015 al (ngày vay tiền) đến ngày 15/3/2017 al (ngày làm đơn khởi kiện) là 19 tháng với số tiền 26.600.000 đồng. Và tính tiền lãi từ ngày 15/4/2017 al cho đến khi vụ kiện được pháp luật giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Võ Thị Bé N, trình bày: Chị thừa nhận vào ngày 15/8/2015 al, chị có vay của chị Phan Thị M số tiền 140.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng thì 01 tháng đóng lãi 50.000 đồng tức là 5%/tháng. Thời hạn vay là 01 tháng sau trả lại vốn vay. Mục đích vay tiền về để trả lại cho những người chị thiếu tiền trước đây. Việc vay tiền có viết biên nhận nợ. Từ khi vay đến nay không có trả lãi và cũng chưa trả nợ gốc. Do trước đây chị cùng với chị M, anh T có thỏa thuận với nhau, chị bán đất cho anh T và sau khi làm giấy tờ xong thì anh T trả số tiền 140.000.000 đồng cho chị M, nên chị M đồng ý cho chị sang nhượng đất cho anh T. Việc thỏa thuận này giữa các bên không có lập văn bản cũng như không có ai chứng kiến. Tuy nhiên sau khi sang nhượng đất xong đến nay anh T khanh Thực hiện lời hứa trên, nên chị vẫn còn nợ tiền nợ gốc là 140.000.000đồng và tiền lãi đúng như chị M trình bày.

Nay chị M yêu cầu chị, chồng chị là anh H và anh T cùng trả số tiền trên thì chị không đồng ý trả, mà phải do anh Nguyễn Hiếu T trả tiền cho chị M theo sự thỏa thuận giữa các bên

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Thanh H có lời trình bày: Anh không có cùng chị N vay tiền của chị M, sau khi vay tiền về chị M thì chị N cũng không sử dụng số tiền này vào mục đích chung của gia đình. Nay chị anh không đồng ý trả số tiền này theo yêu cầu của chị M

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Hiếu T có lời trình bày: Trước đây vào khoảng tháng 8 năm 2015, anh Phan Thanh H (chồng chị N) và chị Võ Thị Bé N có đến gặp anh hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, sau khoảng 4 tháng, chị Bé Nhỏ hỏi mượn tiếp số tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng 02 đợt là 250.000.000 đồng và anh Phan Thanh H, chị Võ Thị Bé N hứa sang đất ruộng 3.900 m^2 để anh đứng tên và anh có hứa khi nào anh H và chị Bé N có bán được đất thì anh lấy đủ số tiền vốn và một phần tiền lãi, phần còn lại anh sẽ trả lại cho chị N. Sau khi sang nhượng đất xong làm đầy đủ thủ tục anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị Phan Thị M có đến gặp anh và nói nếu anh bán được đất này thì lấy đủ số tiền chị N thiếu, nhưng anh không có hứa với chị M. Việc chị M, chị Bé N vay tiền với nhau như thế nào và vay tiền vào lúc nào anh không biết, việc các bên vay tiền anh không có liên quan gì. Nay, chị M yêu cầu anh cùng với chị N, anh H trả lại số tiền vốn gốc 140.000.000 đồng và tiền lãi, anh không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị M.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Hiếu T có nghĩa vụ trả lại tiền vốn vay và tiền lãi.

2/Buộc chị Võ Thị Bé N, anh Phan Thanh H có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị M số tiền 163.240.000 đồng (một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi chậm trả, án phí và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật

Ngày 06/9/2017 bị đơn anh Phan Thanh H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không buộc anh trả nợ cho chị Phan Thị M

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, anh Phan Thanh H vẫn giữ nguyên kháng cáo không đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của chị M, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. hai bên khanh Thống nhất được nội dung vụ án cũng không cung cấp thêm chứng mới

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Phan Thị M trình bày: Việc vay tiền của chị Bé N đã được chị Bé N thừa nhận số tiền vốn vay, tiền lại như nguyên đơn trình bày. Chị Bé N nói với chị M vay để trả nợ. Như vậy mục đích vay để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình, nên ông Hào chồng chị Bé N phải cùng chị Bé N trả nợ như án sơ thẩm tuyên là đúng pháp luật. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Việc vay tiền của chị Bé N sau khi có tranh chấp anh H biết và có thừa nhận trách nhiệm bán đất trả nợ nên án sơ thẩm buộc anh H cùng có trách nhiệm trả nợ là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử y án sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Hào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Xét thấy đơn kháng cáo của anh Phan Thanh H còn trong hạn luật định được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Phan Thanh H về việc không đồng ý trả nợ gốc và tiền lãi tổng cộng là 163.240.000 đồng cho chị Phan Thị M.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Theo lời trình bày của chị Phan Thị M và chị Bé N hoàn toàn thống nhất nhau về số tiền vay, lãi, thời hạn trả nợ và mục đích vay nợ của chị N là trả nợ cho người khác và khi đi vay tiền chỉ có chị N trực tiếp vay không có anh H tham gia (BL 05, 37, 40, 41, 42, 43) là phù hợp với lời khai của anh H rằng anh không biết gì về việc vợ anh là chị Bé N vay của của chị M 140.000.000đồng, nên anh khanh Thừa nhận nợ chung của vợ chồng và không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị M.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và Gia đình thì nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do một bên vợ hoặc chồng xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình thì là nghĩa vụ về tài sản đó là của riêng bên vợ hoặc chồng đã xác lập, thực hiện giao dịch đó.

Trong vụ án này chỉ có một mình chị Bé N đến vay tiền của chị M. Theo lời trình bày của chị Bé N vay số tiền này dùng vào việc trả nợ cho những người khác mà chị đã vay trước đây để cho người khác vay lại mà không có lấy lãi, vì do chỗ quen biết. Mặc khác anh H khanh Thừa nhận khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng, vì khi chị Bé N vay tiền của chị M không có đem tiền về nhà để sử dụng chung cho gia đình và anh cũng không hay biết gì về số tiền này. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay chị Bé N thừa nhận trách nhiệm cá nhân chị phải trả toàn bộ số nợ cho chị M như án sơ thẩm đã tuyên. Chị M cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì

chứng minh cho việc chị Bé N vay tiền để đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt chung cho gia đình chị Bé N. Nên không có căn cứ để xác định tiền mà chị Bé N vay của chị M 140.000.000đồng là nợ chung của anh H và chị Bé N, việc kháng cáo của anh Phan Thanh H có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh. Nên Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm là không có cơ sở, không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phúc thẩm không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử và các tài liệu chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Phan Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ, phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phan Thanh H

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Trà Vinh, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa:

1/ Nguyên đơn: Chị Phan Thị M, sinh năm 1969,

Địa chỉ âp X, xã An TA, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

2/ Bị đơn:

- Chị Võ Thị Bé N, sinh năm 1968;
- Ông Phan Thanh H, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: ấp Lo C, xã An TA, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Nguyễn Hiếu T, sinh năm 1963;

Địa chỉ khóm N, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ điều 471, điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị M.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Hiếu T, ông Phan Thanh H có nghĩa vụ trả lại tiền vốn vay và tiền lãi.

2/ Buộc chị Võ Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị M số tiền nợ gốc là 140.000.000đồng và 23.240.000đồng tiền lãi, tổng cộng là 163.240.000 đồng (một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt mức lãi sức được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu các bên khanh Thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/**Về án phí dân sự sơ thẩm**: Buộc chị Võ Thị Bé N phải nộp 8.162.000 đồng. Chị Phan Thị M không phải chịu án phí.

Do chị M được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét hoàn trả lại.

Anh Phan Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ, phúc thẩm; hoàn trả lại cho anh Phan Thanh H số tiền tạm ừng án phí phúc thẩm mà anh đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0010404 ngày 07/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND H.C L;
- CCTHADS H.C L;
- VKSND H.C L;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Minh Tự